

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2023/DS-ST

Ngày: 22/9/2023

*V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sen.

Ông Triệu Lát.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V, Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số Y đường L, phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông P – Trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Vĩnh Châu (Quyết định ủy quyền số: 415/GUQ-NHNo.VC ngày 22/9/2023, có mặt);

Địa chỉ: Số C đường N, khóm X, Phường X, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà T, sinh năm 19UU (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà R, ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông K, sinh năm 19W (vắng mặt);

3.2. Chị T1, sinh năm 19UU (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 83, ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 11/10/2011, Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Vĩnh Châu với bà T ký Hợp đồng tín dụng số: LAV201102687/HĐTD. Theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng; mục đích vay nuôi tôm; lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 18,5%/năm; phương pháp trả tiền vay: Thanh toán lãi hàng tháng và trả nợ gốc 01 lần; thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 11/10/2011. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà T và ông K đã ký kết Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC, ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cụ thể:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 320506 với diện tích 22.441,17m² thuộc các thửa đất số: Q, R, J, F, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V) cấp cho hộ ông K ngày 29/12/2003.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/9/2023, bà T còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N với tổng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng.

Đồng thời, buộc bà T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LAV201102687/HĐTD ngày 11/10/2011, kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà T không thanh toán số tiền nêu trên, thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC, ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T trình bày: Bà T thống nhất với lời trình bày của người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N và thừa nhận còn nợ tiền vay của Ngân hàng N vốn gốc và lãi với tổng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Bà T cho rằng do làm ăn thất mùa nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận. Bà T đồng ý cho cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K và chị T1:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với ông K và chị T1, nhưng đều vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho ông K và chị T1 biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo giấy triệu tập của Tòa án tại các phiên họp và các phiên tòa. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc bị đơn bà T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng N tính đến ngày 22/9/2023 với tổng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng. Đồng thời, buộc bà T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức

lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LAV201102687/HĐTD ngày 11/10/2011, kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà T không có khả năng thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định: Buộc bị đơn bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 22/9/2023 tổng cộng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K và chị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số LAV201102687/HĐTD ngày 11/10/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N với bà T được thiết lập bằng văn bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Trong đó, bên cho vay, bên vay đã giao kết cụ thể rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp, do bên vay là bà T vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng như hợp đồng đã được ký kết. Việc xác lập hợp đồng rõ ràng, bên vay và bên cho vay đã được ký kết tại hợp đồng tín dụng ngày 11/10/2011; Giấy nhận nợ ngày 11/10/2011; Hợp đồng thế chấp ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài

sản là quyền sử dụng đất do bà T và ông K đã ký kết ngày 11/10/2011. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết nguyên đơn Ngân hàng N không cần phải chứng minh. Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu buộc bị đơn bà T phải có nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 22/9/2023 với tổng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, bà T và ông K đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 320506 với diện tích 22.441,17m² thuộc các thửa đất số: Q, R, J, F, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là Ủy ban nhân dân thị xã V) cấp cho hộ ông K ngày 29/12/2003.

Do đó, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011 mà các bên đã ký kết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 325, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N tính đến ngày 22/9/2023 với số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng.

Kể từ ngày 23/9/2023, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số: LAV201102687/HĐTD ngày 11/10/2011) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản

thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC, ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011 để thu hồi nợ.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N được chấp nhận, nên bị đơn bà T phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, đề nghị của vị Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 325, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Phân tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (Agribank).

Buộc bị đơn bà T phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền là 1.911.372.603 đồng (một tỉ chín trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.106.198.630 đồng, tiền lãi quá hạn là 305.173.973 đồng.

Kể từ ngày 23/9/2023, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số: LAV201102687/HĐTD ngày 11/10/2011) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thanh toán số tiền nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ

quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp số LCP200901585/HĐTC ngày 25/12/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 11/10/2011):

Các thửa đất số Q, R, J, F, tờ bản đồ số 08, với tổng diện tích 22.441,17m², tọa lạc tại ấp Kinh Mới, xã Vĩnh Hiệp thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 320506 cấp ngày 29/12/2003 do hộ K đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu, các ông, bà: T, K và T1 phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà T phải chịu là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do Ngân hàng N nộp tạm ứng trước, nên bà Tho có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà T phải chịu là 69.341.178 đồng (sáu mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một nghìn một trăm bảy mươi tám đồng).

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 33.134.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007894 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA
- TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương